

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THÀNH  
Tầng 3, tòa nhà lô T2, KCN Hòa Bình, Đường Phạm Văn Đồng,  
Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam  
Mã số thuế: 6101177237

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## QUÝ III NĂM 2018

**Bao gồm:**

- Bảng cân đối kế toán
- Bảng kết quả kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh Báo cáo tài chính

Tháng 10/2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Tại ngày 30/09/2018</b>	<b>Tại ngày 31/12/2017</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>63.502.976.909</b>	<b>44.168.586.372</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>45.836.371.605</b>	<b>19.659.299.814</b>
1. Tiền	111	5	45.836.371.605	19.659.299.814
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>17.398.350.966</b>	<b>23.061.490.168</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	3.850.916.153	7.853.634.398
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	11.413.283.883	10.306.445.705
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.I	2.134.150.930	4.901.410.065
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>268.254.338</b>	<b>1.447.796.390</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	268.254.338	319.727.884
2. Thuế GTGT được khấu trừ				1.126.384.845
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				1.683.661
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>519.371.089.346</b>	<b>550.727.468.321</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>211.033.000</b>	<b>12.784.358.255</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8.II	211.033.000	12.784.358.255
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>348.548.726.076</b>	<b>367.255.922.226</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	9	348.548.726.076	367.255.922.226
- Nguyên giá	222		474.456.409.513	474.456.409.513
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(125.907.683.437)	(107.200.487.287)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>170.520.000.000</b>	<b>170.520.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	170.520.000.000	170.520.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>91.330.270</b>	<b>167.187.840</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	91.330.270	167.187.840
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>582.874.066.255</b>	<b>594.896.054.693</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018**  
**(Tiếp theo)**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Tại ngày 30/09/2018</b>	<b>Tại ngày 31/12/2017</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>296.235.917.041</b>	<b>291.576.948.618</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>37.285.917.041</b>	<b>24.948.029.984</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	147.586.168	229.451.080
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		75.000.000	0
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	6.729.550.238	2.782.060.962
3. Phải trả người lao động	314		622.034.295	653.979.685
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	1.187.415.833	
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	17.429.364.865	227.418.257
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	10.950.000.000	20.950.000.000
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		144.965.642	105.120.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>258.950.000.000</b>	<b>266.628.918.634</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	258.950.000.000	266.628.918.634
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)</b>	<b>400</b>		<b>286.638.149.214</b>	<b>303.319.106.075</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>286.638.149.214</b>	<b>303.319.106.075</b>
1. Vốn góp chủ sở hữu	411	17	284.904.000.000	284.904.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		284.904.000.000	284.904.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.734.149.214	18.415.106.075
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		934.649.067	8.312.393.230
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B		799.500.147	10.102.712.845
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>582.874.066.255</b>	<b>594.896.054.693</b>

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

Kon Tum, Ngày 25 tháng 10 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc






Đoàn Thị Ngọc Thu

Hoàng Hữu Điền

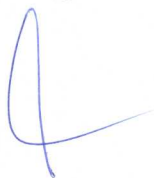
Lê Văn Khoa

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018		Năm 2017	
			Quý III Năm 2018	Lũy kế đến 30/9/2018	Quý III Năm 2017	Lũy kế đến 30/9/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	11.092.644.408	55.202.586.184	13.405.733.924	58.323.458.893
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0		0	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10		11.092.644.408	55.202.586.184	13.405.733.924	58.323.458.893
4. Giá vốn hàng bán	11	19	8.759.168.976	27.077.189.830	8.752.863.538	22.568.741.493
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp (20=10-11)	20		2.333.475.432	28.125.396.354	4.652.870.386	35.754.717.400
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		4.992.263	20.539.117	6.778.508	28.392.635
7. Chi phí tài chính	22	21	7.670.024.000	23.272.991.166	8.390.210.457	24.452.605.855
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.670.024.000	23.272.991.166	8.390.210.457	24.452.605.855
8. Chi phí bán hàng	25		0		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	1.204.656.259	3.481.227.619	588.649.538	1.664.840.334
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		-6.536.212.564	1.391.716.686	-4.319.211.101	9.665.663.846
11. Thu nhập khác	31		79.001	1.012.001	5.032.662.705	5.037.852.905
12. Chi phí khác	32		46.464.589	79.325.460	5.213.927.120	5.316.933.204
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(46.385.588)	(78.313.459)	(181.264.415)	(279.080.299)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		-6.582.598.152	1.313.403.227	-4.500.475.516	9.386.583.547
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23		513.903.080		840.240.832
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		-6.582.598.152	799.500.147	-4.500.475.516	8.546.342.715

Kon Tum, Ngày 25 tháng 10 năm 2018

Người lập biểu



Đoàn Thị Ngọc Thu

Kế toán trưởng



Hoàng Hữu Điền

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Văn Khoa

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

( Theo phương pháp gián tiếp )

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/09/2018

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>MS</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>1.313.403.227</b>	<b>9.386.583.547</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	18.707.196.150	18.649.988.760
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(20.539.117)	(28.394.052)
- Chi phí lãi vay	06	23.272.991.166	24.756.099.081
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLĐ</b>	<b>08</b>	<b>43.273.051.426</b>	<b>52.764.277.336</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	18.349.982.528	(12.937.305.743)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	4.149.387.303	(8.357.054.167)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	127.331.116	48.491.960
- Tiền lãi vay đã trả	14	(22.085.575.333)	(24.876.903.775)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(601.022.609)	(378.807.386)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(225.290.000)	(115.280.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>42.987.864.431</b>	<b>6.147.418.225</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	968.668.243	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20.539.117	28.394.052
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>989.207.360</b>	<b>28.394.052</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(17.800.000.000)	(15.500.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(17.800.000.000)</b>	<b>(15.500.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>26.177.071.791</b>	<b>(9.324.187.723)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>19.659.299.814</b>	<b>14.676.900.028</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>45.836.371.605</b>	<b>5.352.712.305</b>

Kon Tum, Ngày 25 tháng 10 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đoàn Thị Ngọc Thu

Hoàng Hữu Diên

Lê Văn Khoa

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2018**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 3 năm 2018*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn.**

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Ne) là doanh nghiệp được tách từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu ngày 21/5/2014 với mã số doanh nghiệp 6101177237, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 02/08/2017.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY;

Tên viết tắt là: TTE.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ năm ngày 02/08/2017 là 284.904.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tư tỷ, chín trăm linh bốn triệu đồng). Tại ngày 30/09/2018, tỷ lệ sở hữu vốn của Công ty gồm các cổ đông sau:

Cổ đông là các tổ chức: gồm 6 đơn vị nắm giữ 2.360.000 cổ phần, chiếm 8,28% vốn điều lệ;

Cổ đông cá nhân gồm:

+ Ông Nguyễn Ngọc Tường nắm giữ 1.400.000 cổ phần, chiếm 4,91% vốn điều lệ;

+ 48 cổ đông là các cá nhân có tỷ lệ sở hữu từ 3,5% đến dưới 4% vốn điều lệ, tổng số cổ phần nắm giữ là 24.690.614 cổ phần, chiếm 86,67% vốn điều lệ;

+ 272 cổ đông khác nắm giữ 39.786 cổ phần chiếm 0,14% vốn điều lệ

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 3, Tòa nhà lô T2, Khu Công nghiệp Hòa Bình, Đường Phạm Văn Đồng, Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

Điện thoại: (84-6).03868119

Fax: (84-6).03868901

E-mail: info@dakne.vn

Website: www.dientruongthinh.vn

Người đại diện theo pháp luật: Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.

Tổng số nhân viên Công ty tại thời điểm ngày 30/09/2018 là 48 người

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2018**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 3 năm 2018*

### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (thủy lợi, điện, cấp thoát nước, viễn thông).

### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/09/2018, Công ty có các công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

<b>STT</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu/Quyền biểu quyết</b>
<b>I</b>	<b>Công ty con</b>			
1	Công ty TNHH Trung Việt	Lô T2, Khu Công nghiệp Hòa Bình, đường Phạm Văn Đồng, Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	98%
<b>II</b>	<b>Đơn vị trực thuộc</b>			
1	Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Quảng Nam	Thôn 2, Xã Trà Giác, Huyện Bắc Trà My, Tỉnh Quảng Nam	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%
2	Văn phòng Đại diện Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại TP Đà Nẵng	Tầng 4, Tòa nhà Ricco, 363 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng		100%
<b>2.</b>	<b>CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN</b>			

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp .

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2018**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 3 năm 2018*

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính Quý III năm 2018 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2018.

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Công cụ tài chính**

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2018**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 3 năm 2018*

nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

### **Các khoản đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2018**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 3 năm 2018*

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

##### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

##### **Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau**

##### **Số năm khấu hao**

Nhà cửa vật kiến trúc	15-25
Máy móc thiết bị	03-12
Phương tiện, vận tải truyền dẫn	06-10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

##### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và chi phí phân bổ khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian.

##### **Nợ phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

##### **Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2018**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 3 năm 2018*

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### **Chi phí đi vay**

Toàn bộ chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

*Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.*

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2018

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 3 năm 2018*

#### 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu kỳ VNĐ
Tiền mặt	397.572.161	235.016.844
Tiền gửi ngân hàng (*)	45.438.799.444	19.424.282.970
<b>Cộng</b>	<b><u>45.836.371.605</u></b>	<b><u>19.659.299.814</u></b>

(\*) Tiền gửi ngân hàng chủ yếu bao gồm:

- + Các khoản tiền hoàn ứng và tiền doanh thu các nhà máy của Công ty mẹ.
- + Các khoản tiền Công ty Trung Việt trả lại cho Công ty mẹ từ nguồn thu tiền hoàn ứng và tiền thu về từ hoạt động phát điện của nhà máy Đăk bla 1

#### 6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu kỳ VNĐ
Tổng công ty Điện Lực Miền Trung (*)	3.850.916.153	7.853.634.398
<b>Cộng</b>	<b><u>3.850.916.153</u></b>	<b><u>7.853.634.398</u></b>

(\*) Tiền điện đã xuất hóa đơn còn phải thu của Tổng Công ty điện lực Miền Trung.

#### 7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu kỳ VNĐ
Trả trước cho người bán là bên liên quan		
- Công ty Cổ Phần Tấn Phát (*)	10.029.570.000	10.109.570.000
Trả trước cho người bán khác (**)	1.383.713.883	196.875.705
<b>Cộng</b>	<b><u>11.413.283.883</u></b>	<b><u>10.306.445.705</u></b>

(\*) Giá trị tạm ứng trước cho Công ty Cổ Phần Tấn Phát là thực hiện giá trị hợp đồng số 69/HĐKT/ĐAWKNE\_TANPHAT ngày 02/11/2016 về việc nạo hút cát lòng hồ nhà máy thủy điện ĐakNe hợp đồng đang tiến hành chưa hoàn thành bàn giao.

(\*\*) Giá trị tạm ứng cho người bán khác là giá trị tạm ứng cho các đối tác, nhà cung cấp thực hiện việc sửa chữa, thay thế thiết bị nhà máy Tà Vi, nhà máy Đakne.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2018

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 3 năm 2018

#### 8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu kỳ VNĐ
<b>I. Ngắn hạn</b>	<b>2.134.150.930</b>	<b>4.901.410.065</b>
Phải thu tạm ứng	2.134.150.930	3.929.795.020
Lê Văn Khoa (*)	67.975.958	132.047.493
Hồ Thanh Tiến	33.698.390	30.198.390
Trần Quang Chung(*)	54.956.640	175.058.000
Nguyễn Văn Quân (*)	124.788.000	127.000.000
Bùi Thị Thanh Huyền	55.036.450	31.167.156
Nguyễn Công Thành	0	3.173.940.000
Đỗ Văn Tuyệt (**)	1.352.510.000	
Thu tạm ứng khác:	445.185.492	260.383.981
<b>Phải thu khác</b>	<b>0</b>	<b>971.615.045</b>
- Công ty TNHH Nước Win		968.668.243
- Các đối tượng khác		2.946.802
<b>II. Phải thu Dài hạn khác</b>	<b>211.033.000</b>	<b>12.784.358.255</b>
Ký Quỹ, Ký cược dài hạn	211.033.000	173.433.000
Công ty TNHH Trung Việt		385.000.000
Ông Nguyễn Công Thành	0	12.225.925.255
<b>Tổng</b>	<b>2.345.183.930</b>	<b>17.685.768.320</b>

(\*) Các khoản tạm ứng cá nhân để phục vụ chi phí thường xuyên phát sinh trong kỳ như công tác phí, xăng xe đi lại.

(\*\*) Khoản tạm ứng của ông Đỗ Văn Tuyệt

+ Tạm ứng tiền sửa chữa nhà máy Tà vi do ảnh hưởng các đợt lũ tháng 11/2017, các khoản chi phí này đang phát sinh, chưa hoàn thành bàn giao quyết toán: 352.510.000 đồng.

+ Tạm ứng tiền sửa chữa nhà máy Đăkne do ảnh hưởng các đợt lũ tháng 11/2017, các khoản chi phí này đang phát sinh, chưa hoàn thành bàn giao quyết toán: 1.000.000.000 đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2018**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 3 năm 2018*

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	468.660.950.120	248.700.000	5.496.559.393	50.200.000	474.456.409.513
Mua trong năm					
Số dư cuối kỳ	468.660.950.120	248.700.000	5.496.559.393	50.200.000	474.456.409.513
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ	106.091.976.319	95.437.643	972.634.444	40.438.881	107.200.487.287
Hao mòn phát sinh	18.145.151.730	16.804.028	535.479.273	9.761.119	18.707.196.150
Số dư cuối kỳ	124.237.128.049	112.241.671	1.508.113.717	50.200.000	125.907.683.437
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm:	362.568.973.801	153.262.357	4.523.924.949	9.761.119	367.255.922.226
Tại ngày 30/09/2018:	<u>344.423.822.071</u>	<u>136.458.329</u>	<u>3.988.445.676</u>	<u>0</u>	<u>348.548.726.076</u>

**10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Công ty	Số cuối kỳ (VND)			Số đầu kỳ (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
<b>TNHH Trung Việt</b>	170.520.000.000	(*)	-	170.520.000.000	(*)	-

Công ty TNHH Trung Việt là Công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 6100221010 ngày 22 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp, và các giấy phép điều chỉnh.

Tại thời điểm 30/09/2018 Công ty chiếm 98% vốn điều lệ của Công ty TNHH Trung Việt.

Tại kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018, công ty TNHH Trung Việt có lãi và không có lỗ lũy kế, do đó công ty chưa cần thiết phải trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2018**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 3 năm 2018*

(\*) Theo quy định tại thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và khoản đầu tư vào đơn vị khác tại thời điểm 30/09/2018 cần trình bày, tuy nhiên do Công ty TNHH Trung Việt chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán và hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết nên Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư trên tại ngày 30/09/2018.

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu kỳ VNĐ
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>268.254.338</b>	<b>319.727.884</b>
Công cụ dụng cụ	268.254.338	319.727.884
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>91.330.270</b>	<b>167.187.840</b>
Công cụ dụng cụ	91.330.270	167.187.840

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VNĐ		Số đầu kỳ VNĐ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV thí nghiệm điện miền Trung			39.735.684	39.735.684
Chi nhánh TPHCM - Công ty TNHH kiểm toán Vaco	75.700.000	75.700.000	29.350.000	29.350.000
Công ty CPTV XD NL tái tạo	41.536.000	41.536.000	41.536.000	41.536.000
Tập đoàn Viễn Thông Quân Đội			33.264.000	33.264.000
TTKD VNPT Kon Tum- CN TCTDVVT			22.280.000	22.280.000
Công ty lưới điện cao thế Miền Trung	17.972.168	17.972.168	35.944.336	35.944.336
Phải trả cho các đối tượng khác	12.378.000	12.378.000	27.341.060	27.341.060
<b>Cộng</b>	<b><u>147.586.168</u></b>	<b><u>147.586.168</u></b>	<b><u>229.451.080</u></b>	<b><u>229.451.080</u></b>

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2018

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 3 năm 2018

#### 13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Lũy kế đã nộp đến 30/09/2018	Số phát sinh trong kỳ	Lũy kế phát sinh đến 30/09/2018	Số đầu kỳ
Thuế GTGT	2.825.191.870	1.078.942.482	2.729.299.408	1.141.813.440	5.554.491.278	(*)
Thuế TNDN	657.809.266	299.999.772	601.022.609		513.903.080	744.928.795
Thuế TNCN	13.498.374	24.930.923	69.072.302	15.793.758	62.168.076	20.402.600
Thuế TN	2.305.098.895	1.972.275.866	3.537.009.401	1.281.326.760	4.442.946.028	1.399.162.268
Các loại thuế khác			7.468.791		7.468.791	
Phí, KPN khác	927.951.833	628.454.723	1.760.974.741	748.021.320	2.071.359.275	617.567.299
<b>Cộng</b>	<b>6.729.550.238</b>	<b>4.004.603.766</b>	<b>8.704.847.252</b>	<b>3.186.955.278</b>	<b>12.652.336.528</b>	<b>2.782.060.962</b>

(\*) Đầu kỳ doanh nghiệp còn được khấu trừ 1.683.661 đồng.

#### 14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu kỳ VNĐ
Chi phí lãi vay phải trả - Nhà máy Tà Vi	1.187.415.833	-
<b>Cộng</b>	<b>1.187.415.833</b>	<b>-</b>

#### 15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu kỳ VNĐ
<b>I. Phải trả khác</b>		
Bảo hiểm xã hội	112.959.582	6.509.480
Bảo hiểm y tế	25.060.500	28.386.811
Bảo hiểm thất nghiệp	18.273.898	12.621.916
Cổ tức phải trả (*)	17.094.240.000	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	178.830.885	179.900.050
<b>Cộng</b>	<b>17.429.364.865</b>	<b>227.418.257</b>

Theo Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông số 13/2018/NQ-TTE ngày 08/04/2018, Công ty trích lập phân phối cổ tức từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2017 với số tiền 17.094.240.000 đồng, đến hiện 30/09/2018, Công ty chưa thực hiện chia trả cho các cổ đông khoản cổ tức này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2018**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 3 năm 2018*

**16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

**16.1 CÁC KHOẢN ĐI VAY**

Diễn giải	Số cuối kỳ		Số trong kỳ		Số đầu kỳ		ĐVT: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>10.950.000.000</b>	<b>10.950.000.000</b>	<b>7.800.000.000</b>	<b>17.800.000.000</b>	<b>20.950.000.000</b>	<b>20.950.000.000</b>	
NH NN và PTNN VN	1.650.000.000	1.650.000.000		1.500.000.000	3.150.000.000	3.150.000.000	
NH TMCP Việt Á – CN Hà Nội	9.300.000.000	9.300.000.000	7.800.000.000	16.300.000.000	17.800.000.000	17.800.000.000	
<b>Vay dài hạn</b>	<b>258.950.000.000</b>	<b>258.950.000.000</b>	<b>121.081.336</b>	<b>7.800.000.000</b>	<b>266.628.918.634</b>	<b>266.628.918.634</b>	
-NH NN và PTNN Việt Nam	68.850.000.000	68.850.000.000	-		68.850.000.000	68.850.000.000	
NH TMCP Việt Á – CN Hà Nội	190.100.000.000	190.100.000.000	121.081.336	7.800.000.000	197.778.918.634	197.778.918.634	
<b>Cộng</b>	<b>269.900.000.000</b>	<b>269.900.000.000</b>	<b>7.921.081.336</b>	<b>25.600.000.000</b>	<b>287.578.918.634</b>	<b>287.578.918.634</b>	

Khoản vay của Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Kon Tum là khoản vay dài hạn bằng VND theo Hợp đồng Tín dụng số 01/2016/HĐTD-TV ngày 28/12/2016 với thời hạn cho vay là 144 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng, với mục đích sử dụng để thanh toán chi phí mua lại toàn bộ Nhà máy thủy điện Tà Vi theo Hợp đồng chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Tà Vi số 01/2016/HĐCN/NV-ĐN ngày 04/11/2016 giữa Công ty CP Thủy điện Đắk Ne và Công ty TNHH Nước Vin. Khoản vay chịu lãi suất theo hình thức thả nổi được điều chỉnh tối đa 3 tháng 1 lần. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 100% giá trị Công trình Nhà máy thủy điện Tà Vi tại thôn 1 xã Trà Giác, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2018**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 3 năm 2018*

Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Hà Nội là khoản vay dài hạn bằng VND theo Hợp đồng Tín dụng số 031-14/HĐTDH ngày 31/12/2014 với thời hạn vay 144 tháng nhằm mục đích tái trợ và sửa chữa Nhà máy thủy điện Đăkne. Khoản vay chịu lãi suất 11,2%/năm. Công ty sử dụng toàn bộ giá trị Nhà máy thủy điện Đăkne để thế chấp cho khoản vay này.

**16.2 NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Diễn giải	Số cuối kỳ		Số trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nợ thuế tài chính của công ty	-	-	-	-	-	-
Tổng	-	-	-	-	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2018**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 3 năm 2018*

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thông tin về vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VNĐ	VNĐ
Vốn góp tại đầu năm	284.904.000.000	284.904.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	284.904.000.000	284.904.000.000

Tình hình phát hành cổ phiếu của công ty tại 30/09/2018 như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

**18. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ**

Doanh thu bán điện	Số kỳ này	Số kỳ trước
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu bán điện	11.092.644.408	13.405.733.924
Nhà máy Đakne	10.675.950.080	11.500.322.007
Nhà máy Tà Vi	416.694.328	1.905.411.917

**19. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ**

Giá vốn bán điện	Số kỳ này	Số kỳ trước
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn bán điện	8.759.168.976	8.752.863.538
Nhà máy Đakne	7.424.322.702	7.249.085.832
Nhà máy Tà Vi	1.334.846.274	1.503.777.706

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Chi phí nhân công	Số kỳ này	Số kỳ trước
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân công	547.840.993	538.709.537

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2018**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 3 năm 2018*

Chi phí khấu hao	6.128.261.002	6.113.101.096
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.841.378.035	2.000.815.061
Chi phí khác bằng tiền	241.688.946	100.237.844
<b>Cộng</b>	<b>8.759.168.976</b>	<b>8.752.863.538</b>
<b>21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		
	<b>Số kỳ này</b>	<b>Số kỳ trước</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Nhà máy Đakne	5.801.304.000	6.530.847.791
Nhà máy Tà Vi	1.868.720.000	1.859.362.666
<b>Cộng</b>	<b>7.670.024.000</b>	<b>8.390.210.457</b>
<b>22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>		
	<b>Số kỳ này</b>	<b>Số kỳ trước</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Chi phí nhân viên	485.351.090	241.537.599
Chi phí đồ dung văn phòng	32.675.265	36.614.931
Chi phí khấu hao TSCĐ	103.135.455	141.718.416
Thuế, phí và lệ phí	8.386.910	8.123.664
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.024.293	8.608.901
Các khoản chi phí khác	569.083.246	152.046.027
<b>Cộng</b>	<b>1.204.656.259</b>	<b>588.649.538</b>
<b>23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP</b>		
	<b>Kỳ kế toán</b>	<b>Kỳ kế toán</b>
	<b>Quý III năm 2018</b>	<b>Quý III năm 2017</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>-6.582.598.152</b>	<b>-4.500.475.516</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Các khoản chi phí không được khấu trừ	0	0
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
TN chịu Thuế suất 10% (i)	0	0
TN chịu Thuế suất 20% (ii)	0	0
<b>Thuế TNDN phải nộp theo suất ưu đãi</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Thuế TNDN được miễn, giảm	0	0
<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2018**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 3 năm 2018*

(i) Thuế suất 10% là cho hoạt động kinh doanh của nhà máy Thủy điện Đắc Ne: Do Công ty Cổ Phần Đầu Tư Năng Lượng Trường Thịnh (Tên cũ: Công ty Cổ Phần Thủy điện Đắc Ne) được tách ra từ Công ty Cổ Phần Tấn Phát và nhà máy thủy điện Đắc Ne được bàn giao lại cho Công ty Cổ Phần Đầu Tư Năng Lượng Trường Thịnh vận hành, theo quy định tại khoản 3, điều 20, nghị định số 218/2013/NĐ-CP quy định về kế thừa các ưu đãi thuế thì thu nhập từ nhà máy thủy điện Đắc Ne được kế thừa toàn bộ ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại của Công ty Cổ Phần Tấn Phát cụ thể:

- Thuế suất ưu đãi 10% áp dụng trong vòng 11 năm kể từ năm 2014.
- Giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2014.

(ii) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% tương ứng cho hoạt động kinh doanh của nhà máy Thủy điện Tà Vi

#### **24. THÔNG TIN KHÁC**

##### **24.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

###### **a. Danh sách các bên liên quan**

###### **Bên liên quan:**

1. Công ty TNHH Trung Việt  
*Ông Võ Quốc Vương*
2. Công ty Cổ phần Tấn Phát  
*Ông Nguyễn Ngọc Tường*  
*Ông Lê Văn Khoa*
3. Ông Trần Quang Chung
4. Ông Nguyễn Ngọc Tường
5. Ông Nguyễn Công Thành
6. Ông Lê Văn Khoa

###### **Mối quan hệ**

- Công ty Con  
*Tổng giám đốc CT Trung Việt*  
Cùng thành viên HĐQT  
*Chủ tịch HĐQT CT CP Tấn Phát.*  
*Phó TGD CTCP Tấn Phát*  
Chủ tịch HĐQT  
Thành viên HĐQT  
Thành viên HĐQT – Phó TGD  
Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc

###### **Giao dịch với các bên liên quan (\*):**

**Quý 3/2018**

**VNĐ**

###### **Mua hàng và dịch vụ**

Công ty Cổ Phần Tấn Phát - Chi phí thuê văn phòng

**72.727.273**

**72.727.273**

(\* ) Giao dịch với các bên liên quan này là tiếp nối giao dịch trước được ký hợp đồng thời điểm

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2018

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 3 năm 2018*

Công ty trở thành Công ty đại chúng theo Công văn số 3675/UBCK-GSĐC ngày 11/6/2018, do vậy Công ty vẫn tuân thủ đúng theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 về quản trị Công ty đại chúng.

Tại ngày 30/09/2018, Số dư các bên liên quan như sau:

	30/09/2018	31/12/2017
	VNĐ	VNĐ
<b>Nợ phải thu ( Nợ TK 138)</b>		<b>12.610.925.255</b>
Ông Nguyễn Công Thành	0	12.225.925.255
Công ty TNHH Trung Việt	0	385.000.000
<b>Phải thu tạm ứng ( Nợ TK141)</b>	<b>122.932.598</b>	<b>3.481.045.493</b>
Ông Trần Quang Chung (**)	54.956.640	175.058.000
Ông Lê Văn Khoa (**)	67.975.958	132.047.493
Ông Nguyễn Công Thành		3.173.940.000
<b>Trả trước người bán (Nợ TK 331)</b>	<b>10.109.570.000</b>	<b>10.109.570.000</b>
Công ty Cổ Phần Tấn Phát (***)	10.109.570.000	10.109.570.000
<b>Phải trả người bán (Có TK 331)</b>	<b>80.000.000</b>	<b>0</b>
Công ty Cổ Phần Tấn Phát (****)	80.000.000	0
<b>Phải trả khác (Có TK 338)</b>	<b>9.000.000</b>	<b>9.000.000</b>
Ông Nguyễn Ngọc Tường	4.500.000	4.500.000
Ông Lê Văn Khoa	4.500.000	4.500.000

(\*\*) Các khoản tạm ứng, hoàn ứng thường xuyên để phục vụ cho các công việc của Công ty tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các công trình năng lượng tái tạo đã được phê duyệt của Tổng giám đốc. Các khoản tạm ứng này có thời hạn 1 năm kể từ ngày tạm ứng.

(\*\*\*) Giá trị ứng trước cho việc thực hiện nạo hút cát lòng hồ nhà máy thủy điện ĐakNe, hợp đồng đang thực hiện theo hợp đồng số 69/HĐKT/DKANE\_TÁNPHAT ngày 02/11/2016.

(\*\*\*\*) Tiền còn phải trả là chi phí thuê văn phòng Công ty phát sinh từ đầu năm 2018 đến hết 30/09/2018.

#### Thu nhập của Thành viên HĐQT và Ban Giám đốc

	Kỳ này	Kỳ trước
	VNĐ	VNĐ
Thù lao HĐQT và thu nhập Ban Giám đốc	201.000.000	108.000.000

## 24.2 Báo cáo bộ phận

### 24.2.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2018**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 3 năm 2018*

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty được tổ chức theo đơn kinh doanh dựa trên sản phẩm Chính của công ty là Sản xuất, phân phối và truyền tải điện, trong kỳ Công ty chỉ phát sinh doanh thu và chi phí liên quan đến việc Sản xuất điện để bán cho Tập đoàn điện lực.

Bộ phận Sản xuất, phân phối và truyền tải điện: là bộ phận Sản xuất điện của nhà máy để bán cho Tập đoàn điện lực.

Kết quả kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích.

### **24.2.2 Bộ phận theo khu vực địa lý**

Thông tin về Doanh thu, giá vốn, lợi nhuận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

*Đơn vị tính: 1.000VND*

Chỉ tiêu	Quý III.2018			Quý III.2017		
	Tỉnh Kon Tum	Ngoài Kon Tum	Tổng cộng	Tỉnh Kon Tum	Ngoài Kon Tum	Tổng cộng
Doanh thu	10.675.950	416.694	11.092.644	11.500.323	1.905.411	13.405.734
Giá vốn hàng bán	7.424.323	1.334.746	8.759.170	7.249.086	1.503.778	8.752.864
Lợi nhuận gộp theo bộ phận	3.251.627	-918.052	2.333.475	4.251.237	401.633	4.652.870

### **24.3 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính kiểm toán kết thúc ngày 31/12/2017 và Báo cáo tài chính Quý III năm 2017 đã lập của Công ty.

### **24.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính Quý III năm 2018.

Người lập biểu

**Đoàn Thị Ngọc Thu**

Kế toán trưởng

**Hoàng Hữu Điền**

Kon Tum, ngày 25 tháng 10 năm 2018



Tổng Giám đốc

**Lê Văn Khoa**